

Chân Trời Mới

Văn Phẩm Nguồn Sống – Cơ Quan Truyền Thông Tin Lành

Thế Giới Ngày Nay

Hai Lực sĩ

Cái tin anh chàng Arnold Schwarzenegger trúng cử làm Thống Đốc Bang California đã làm cho một người thờ dài. Người ấy là anh Ali al-Gaiyar, gốc Iraq. Vì Arnold đã từng bị Ali hạ trong cuộc tranh tài lực sĩ đẹp thế giới tại Berlin năm 1966.. Sau đó hai người trở thành thân thiết, nhưng rồi mỗi người đi một ngả. Năm 1967 Arnold chiếm giải Mr. Universe và sang Mỹ năm 1968. Ali cũng sang Mỹ năm 1967. Năm 1970, Arnold đoạt bảy giải lực sĩ Olympic. Cũng năm ấy Ali chiếm năm giải lực sĩ Á châu. Năm 1984, Arnold đóng phim The Terminator, được xếp hạng tài tử hạng A của Hollywood. Cũng năm ấy Ali kiếm ăn bằng nghề lái xe truck. Năm 1987, Arnold được vinh dự gắn tên vào ngôi sao trên Walk of Fame, trong khi đó Ali về lái xe truck cho nước Jordanie. Năm 1990 thì Arnold đã lấy vợ được 4 năm và sinh đứa con đầu (của bốn đứa); Ali lúc đó đã hai vợ và 19 đứa con!! Năm 2003 Arnold đắc cử Thống Đốc Bang California, gia tài ít nhất cũng trên 100 triệu đô-la; trong khi đó Ali được chỉ định làm giám đốc hiệp hội đào tạo lực sĩ miền nam nước Iraq với lương khoảng 200 đô-la một năm.

Sét đánh

Người ta ước tính cứ 280 nghìn người ở Mỹ thì một người bị sét đánh trong một năm. Nhưng riêng đoàn tài tử và quay phim The Passion of Christ (Cuộc khổ nạn của Chúa Cứu Thế) đã có hai người bị sét đánh trong thời gian năm tháng thu hình. Người thứ

nhất là tài tử Jim Caviezel, người đóng vai Chúa Giê-xu bị sét đánh một lần và Jan Michelilni, phụ tá giám đốc bị sét đánh hai lần!!

Bà Tổng Mỹ Linh

Bà Tổng Mỹ Linh, phu nhân cố Tổng thống Tưởng Giới Thạch mới từ trần, hưởng thọ 105 tuổi. Bà sinh ra trong một gia đình quyền quý. Chị bà là Tổng Khánh Linh, phu nhân của ông Tôn Dật Tiên, người khai sáng ra nước Tân Trung Hoa. Cha của hai bà, ông Charlie Tống đã được một nhóm truyền giáo thuộc giáo phái Methodist ở North Carolina hướng dẫn tin Chúa và dự định trở về Trung Hoa làm nhà truyền đạo. Nhưng về sau ông trở thành một nhà buôn. Năm 1929 bà kết hôn với Tưởng Tưởng Giới Thạch là chủ tịch Hội Đồng Quốc Phòng Tối Cao Trung Hoa. (Ông này bỏ vợ với một đứa con trai để lấy bà Mỹ Linh). Bà Mỹ Linh vốn học tại Mỹ, có bằng cử nhân văn chương, nên đã giúp chồng rất nhiều trong chính trường. Từ năm 1943 bà đã nổi danh hùng biện tại Mỹ trong những bài diễn thuyết hô hào người Mỹ ủng hộ Trung Hoa trong việc giải phóng Trung Hoa. Năm 1949 Quốc Dân Đảng bị thua trận, chạy sang Đài Loan. Tưởng Giới Thạch làm Tổng Thống đảo quốc này. Bà Tổng Mỹ Linh là một tín hữu Tin Lành trung kiên. Mỗi ngày đều đọc Kinh Thánh và mỗi tuần đều có buổi học Kinh Thánh của các phu nhân quan chức trong chính phủ Đài Loan. Năm 1975, khi TT Tưởng Giới Thạch tạ thế, bà sang Mỹ chữa bệnh và ở lại cho đến tháng Mười năm 2003 thì qua đời, hưởng thọ 105 tuổi.

Nathaniel Heatwole

Sau nhiều cố gắng bảo vệ phi cơ và sân bay trên toàn nước Mỹ sau vụ 11 tháng 9, cơ quan TSA tức là Quản Trị An Ninh Vận Tải đã làm một cuộc thăm dò và được 90% hành khách cho biết là an ninh phi trường rất khả quan. Nhưng ngay sau đó thì vụ Nathaniel Heatwole xảy ra. Nathaniel Heatwole là một sinh viên trẻ tuổi đã từng qua mặt hệ thống an ninh phi trường sáu lần trong thời gian 8 tháng tại các phi trường quốc tế Raleigh-Durham và Baltimore/Washington. Thanh niên này đem lên máy bay những thứ quốc cấm như dao rọc mỡ thùng giấy, một con dao với một ít đất sét màu hung đỏ, giả làm bom plastic và một số bao diêm. Làm mấy lần như thế mà cũng không ai khám phá ra, cậu này đem các vật liệu này lên máy bay và giấu trong phòng vệ sinh của hai máy bay phản lực của hãng Southwest. Rồi ngày 15 Tháng Chín, cậu này viết một e-mail cho các cơ quan công quyền liên bang báo cho họ biết nơi giấu các thứ này và nhận là người chủ động. Không ai chịu tin cho đến khi một phi công than phiền về một nhà vệ sinh trên máy bay, người ta mới nhân đó khám phá ra. Nathaniel Heatwole bị đưa ra toà về tội vi phạm luật công cộng. Tuy nhiên các cơ quan an ninh đã công nhận là thiếu sót, và việc làm của thanh niên này giúp họ chỉnh đốn lại đường lối làm việc. Đúng là tại Hoa Kỳ sau ngày 9 tháng 11, người ta đã *thừa an ninh, nhưng vẫn thiếu an tâm.*

Phải Chẳng

Chúa Giê-xu là Con Đường Duy Nhất?

Khoa Học và Niềm Tin là môn học biện giải Cơ Đốc giáo qua các phương pháp phân tích và lý luận khoa học, mục đích là cho người học nắm thật vững niềm tin của mình để có thể ứng phó trong một xã hội vô tín vô thần của loài người trên mặt đất này. Cuốn sách giáo khoa của môn học này chính là Kinh Thánh. Nhân vật chính của Kinh Thánh là Chúa Cứu Thế Giê-xu.

Câu hỏi đặt ra là: *Chúa Giê-xu có phải là Con Đường duy nhất đưa ta đến với Đức Thượng Đế hay không?* Câu hỏi này nhiều người Việt đặt ra, nhất là khi nghĩ đến văn hóa và dân tộc.

Khi nói về Đạo, hay về chân lý, nhiều người cho rằng *đạo nào cũng thế, con đường nào cũng đưa đến chân lý cả. Á đông dường như còn có nhiều thần linh thiêng liêng hơn nơi nào khác.*

Mặt khác, người ta cho rằng *Cơ Đốc giáo quá tự cao và chủ quan, nên mới tự xưng là con đường duy nhất. Các tôn giáo khác đâu phải tầm thường, mỗi thứ có giá trị riêng của nó.*

Thật ra những ý niệm về Chúa Giê-xu là con đường duy nhất đưa ta đến với Thượng Đế hay là Chân lý, không phát xuất từ loài người, cũng không do giáo hội đặt ra, mà chính là lời của Chúa Cứu Thế Giê-xu.

Chúa Giê-xu nói: *Ta là Đường Đi, là Chân Lý và Nguồn Sống, chẳng do Ta không ai đến được với Đức Chúa Cha.* Giăng 14:6

Một câu khác: *Nếu các người chẳng tin Ta là Đấng đó, thì chắc sẽ chết trong tội của các người.* Giăng 8:24.

Sứ đồ Phi-e-rô trong một buổi giảng truyền Phúc Âm đã nói: *Chẳng có sự cứu rỗi trong Đấng nào khác, vì dưới trời chẳng có danh nào khác ban cho loài người để chúng ta nhờ đó mà được cứu.* Công Vụ Các Sứ Đồ 4:12.

Sứ đồ Phao-lô trong thư gửi cho ông Ti-mô-thê, viết: *Chỉ có một Đức Chúa Trời và một Đấng trung bảo giữa Đức Chúa Trời và loài người là Chúa Cứu Thế Giê-xu, là con người.*

Qua các câu Kinh Thánh vừa trích dẫn ta phải hiểu rằng *không ai có thể biết Thượng Đế được, nếu không nhờ Chúa Giê-xu.* Câu này ta cần đào sâu hơn để hiểu rõ.

1. Tình trạng thật của nhân loại trước mắt Đấng Thượng Đế.

Nhân loại được tạo dựng nên trong một môi trường hoàn hảo nhất, với tất cả những nhu cầu cần thiết. Đức Chúa Trời cho nhân loại có quyền tự do lựa chọn, và phải chịu trách nhiệm về những việc mình làm. Lúc ấy Đức Chúa Trời chỉ có một điều luật, đó là cấm không được ăn trái của cây phân biệt thiện ác, nếu bất tuân sẽ phải chết. Như vậy điều luật này đặt ra cốt để cho con người được sống mãi trong cảnh thiên đàng, vô tội và không đau khổ. Luật cấm này cũng bắt con người phải chịu trách nhiệm về lựa chọn của mình.

Nhưng rồi con người đã sử dụng quyền tự do lựa chọn sai lầm, theo lời xui khiến của ma quỷ, giơ tay hái trái cấm và biết rõ đâu là thiện ác. Đó là cuộc phản chống Đấng Thượng Đế của con người đầu tiên. Cũng vì vậy mà người sợ, đi trốn, và cuối cùng bị loại ra khỏi khu vườn đẹp nhất trên trần gian. Tình trạng loài người khi ấy gọi là sa ngã. Đây là việc rơi từ địa vị làm con của Chúa xuống địa vị kẻ tội phạm chờ đợi án tử hình.

Từ khi sa ngã con người mới biết thế nào là đau khổ. Đau khổ về muôn mặt trong đời người khởi nguồn từ cuộc đời xa cách Đức Chúa Trời, và ảnh hưởng đến đồng loại trong những ghen ghét và hận thù.

Không những vì chống luật Chúa mà con người làm khổ nhau, ngay thiên nhiên cũng vì cuộc sa ngã của con người mà thành chướng ngại cho đời người. Những khó khăn, tai họa, thú dữ, gai chông từ thiên nhiên đều là do sự phản nghịch chống lại Đức Chúa Trời sinh ra, và con người phải gặt lấy hậu quả.

Dần dần cuộc đời nhân loại trở thành hoàn toàn vô tín, vô thần và đau khổ tiếp tục gia tăng mãi không ngừng.

Tuy nhiên Đức Chúa Trời không tạo nên nhân loại rồi bỏ mặc. Ngài không im lặng cho nhân loại sống với số phận của mình. Đức Chúa Trời đã thường xuyên mạc khải Ngài cho nhân loại. Việc mạc khải diễn ra dưới nhiều hình thức:

- *Thiên nhiên huyền diệu* là một mạc khải. Lý trí con người không thể hiểu các hiện tượng thiên nhiên, nhất là không biết nguyên nhân, vì vậy nếu công nhận Tạo Hoá, Đức Chúa Trời là Đấng đã hình thành ra thiên nhiên, thì cũng là một cách đón nhận mạc khải của Đức Chúa Trời.

- Đức Chúa Trời cũng tự mạc khải qua *các sứ giả mà Ngài lựa chọn* trong nhân loại. Ngày xưa gọi là các tiên tri, ngày nay là những người được Chúa kêu gọi để chuyên biệt rao truyền sứ điệp của Ngài cho đồng bào đồng loại.

- *Lời Chúa* đã được truyền miệng, ghi lại bằng chữ viết, qua nhiều sứ giả, sao cho loài người biết đến Đấng tạo dựng nên mình mà tôn thờ, và tránh xa những hành vi bạo ngược làm hại đồng loại.

- Nhưng Đức Chúa Trời còn đi xa hơn nữa. *Ngài đã đích thân vào đời* làm một người như mọi người khác trong hình hài của Chúa Giê-xu, người làng Na-xa-rét. Cuộc ra đời của Chúa Giê-xu đã được tiên đoán hằng trăm năm trước và đã ứng nghiệm từng chi tiết một. Đây chính là mạc khải quan trọng nhất cho nhân loại. Vì Chúa Giê-xu vào đời không những để cho nhân loại biết về Đức Chúa Trời nhưng Ngài còn hy sinh mạng sống để làm sinh tể chuộc tội ác cho toàn nhân loại. Chúa Giê-xu là Ngôi Hai của Đức Chúa Trời xuống đời để đưa nhân loại trở về với nguồn cội. Vì giữa loài người và Đức Chúa Trời có một khoảng cách càng ngày càng rộng hơn, không thể nào nối kết được nữa.

Chúa Giê-xu tuyên bố: *Ta là Đường Đi, là Chân Lý và Nguồn Sống, chẳng do Ta không ai đến được với Đức Chúa Cha*, là đúng, vì đây là phương pháp hoàn hảo nhất mà Thượng Đế đã ban cho loài người vì lòng thương và ân sủng cứu độ.

2. Lòng Thương và Ân Sủng của Thượng Đế

Như đã nói, Thượng Đế không bỏ mặc con người trong tội ác, phản nghịch và giết hại lẫn nhau. Thượng Đế đã mạc khải. Đây là một huyền nhiệm về Thượng Đế. Nói rõ hơn, loài người vì sa ngã, không có phương cách nào với lên được tới Đấng Tạo Hóa Toàn Năng, Chí Cao, Chí Thánh, Huyền Nhiệm. Nhưng chính Thượng Đế đã đưa tay về phía con người để cứu vớt. Chúa Giê-xu vào đời cốt làm nhiệm vụ

này. Chúa Giê-xu chỉ vào đời một lần, hy sinh chết thay một lần, và đã sống lại từ cõi chết để chuộc tội và ban sự sống đời mới, tái tạo cho con người. Chính vì thế mà *Chúa Giê-xu là Con Đường duy nhất đưa ta đến Thượng Đế.*

Chúa Giê-xu làm được việc này là vì :

Chúa Giê-xu là Đấng duy nhất từ trời đến trần gian để gặp gỡ con người và mạc khải Thượng Đế cho con người.

Chúa Giê-xu là Đấng duy nhất đã hy sinh chết thay để chuộc tội cho cả nhân loại.

Chúa Giê-xu là Đấng duy nhất đã sống lại từ cõi chết và thăng thiên trở về trời.

Vì thế khi nói: *Chúa Giê-xu là Con Đường duy nhất* không phải nói quá, nhưng đó là sự thật, vì không có một người nào có thể so sánh với Chúa Giê-xu về bất cứ phương diện nào.

Câu hỏi: Chúa Giê-xu có phải Con Đường duy nhất không? Phải trả lời dứt khoát là: *chắc chắn, Chúa Giê-xu là Con Đường duy nhất.* Đây không phải là lối trả lời của các môn đệ cuồng say hay ngạo mạn, nhưng đây chính là chân lý cứu chuộc nhân loại.

3. Những người sống trong thời đại trước Chúa Giê-xu, hoặc chưa bao giờ nghe đến tên Chúa Giê-xu thì sao?

Sứ đồ Phao-lô đã trả lời câu hỏi này trong thư La Mã chương 2:12-16 như sau:

Người ngoài Do Thái phạm tội khi chưa biết giáo luật Môi-se, sẽ bị trừng phạt, nhưng không chiếu theo giáo luật ấy. Con người Do Thái đã biết giáo luật mà còn phạm tội, thì sẽ theo giáo luật ấy mà xét xử. Vì không phải người nào biết giáo luật được kể là công chính, nhưng là người tuân giữ giáo luật đó. Khi người ngoài Do Thái không có giáo luật, theo bản tính làm những điều đúng theo giáo luật đòi hỏi, thì hành động theo bản tính tốt là giáo luật của họ. Việc này chứng tỏ các nguyên tắc của giáo luật đã được ghi vào lòng họ. Lương tâm cũng làm chứng khi lên tiếng buộc tội hay biện hộ. Theo Phúc Âm tôi truyền giảng, đến ngày Thượng Đế đã định, Chúa Cứu Thế Giê-xu sẽ xét xử mọi tư tưởng, hành động kín đáo của loài người.

Theo lời dạy trên đây của Sứ đồ Phao-lô, trước thời Chúa Cứu Thế, người ta theo lương tâm mình mà sống, thì cũng được Chúa bằng lòng. Chúa xét xử theo những gì người ấy biết, chứ không theo những gì

người ấy không biết. Qua mặc khải mà người ấy nhận được từ Chúa, nếu biết xây sửa đường lối, ăn năn sám hối, và kính thờ Chúa một cách chân thành và khôn ngoan, chắc chắn cũng được Chúa xót thương. Chúa không bao giờ xử bất công và vô lý, ta có thể tin chắc như vậy. (Trường hợp người đội vương Cọt-nây trong Công Vụ Các Sứ Đồ chương 10 là một thí dụ điển hình.)

Trong thời đại chúng ta thì mặc khải là lời Kinh Thánh. Ta phải hết lòng tin Kinh Thánh và quyết định mở tâm hồn mình đón Chúa vào làm chủ, không thể trì hoãn được. Vì Chúa sẽ căn cứ vào những gì ta biết mà phán định.

Nguyễn Sinh
(Khoa Học & Niềm Tin)

Niềm Tin Minh Họa

Màn Ảnh và Cuộc Đời

Tài tử điện ảnh Sylvester Stallone được nhiều người hâm mộ trong vai người hùng Rocky và Rambo của những cuốn phim mang các tên này. Nhưng thực sự ngoài đời thường thì cuộc đời anh ta ra sao? Trong một cuộc phỏng vấn trên truyền hình, ngôi sao điện ảnh nổi danh của Hollywood này chân thành nói rằng: “Nếu tôi phải xem lại cuốn phim về cuộc đời thật của tôi trong thời gian qua, chắc chắn tôi sẽ phải lắc đầu tuyệt vọng và hổ nhục. Vì cuộc đời tôi đúng là một cuốn phim rất nhiều phần quyết định sai lầm và hư hỏng.”

Giả sử như người ta muốn làm một cuốn phim về cuộc đời của bạn hay của tôi, thì cuốn phim ấy sẽ như thế nào? Phải chăng cuộc đời của chúng ta cũng đầy đầy những quyết định sai lầm, hư hỏng cộng thêm với bao nhiêu hành vi chẳng xứng đáng cho một người tin Chúa chút nào? Chúng ta có hổ thẹn trong nhiều đoạn phim của chúng ta? Chúng ta sẽ đánh giá cuộc đời chính mình như thế nào? Thành công hay thất bại? Thắng hay thua tội ác? Có gì đáng kể lại như chứng tích là người được Chúa biến đổi không?

Thực ra mỗi người tin Chúa Giê-xu sẽ được bước vào một cuộc đời mới có Chúa làm chủ và những đoạn phim hư hỏng của

cuộc đời cũ được xóa bỏ và thay thế bằng những khúc phim đẹp nhất, giá trị nhất do Chúa đem lại cho mỗi người tin nhận Ngài.

Ba cây thập tự

Trên đồi Gô-gô-tha khi xưa có ba cây thập tự. Trên mỗi cây thập tự có một tử tội. Người bên phải là người chết *trong* tội, vì anh ta không tin nhận Chúa Giê-xu là Cứu Chúa của mình. Người bên trái là người chết *về* tội vì anh ta đã tin Chúa là Cứu Chúa của đời mình, dù trong một giây phút ngắn ngủi trò chuyện với Chúa. Nhưng ở chính giữa là một người chết *thay cho* kẻ tội phạm. Tử tội ở chính giữa có thể chết thay cho người khác, vì Người chính là Con Trai của Thượng Đế, Người hoàn toàn vô tội, nhưng đã bằng lòng hy sinh làm sinh tế chuộc tội ác cho toàn thể nhân loại. Cây thập tự chính giữa cũng đã thay đổi ngay tình trạng của tử tội phía bên trái, vì anh này bằng lòng tin nhận Người là Đấng vô tội và là Con Trai của Đức Chúa Trời. Tức khắc anh tử tội này được nhận vào nước Trời, mặc dù chết đau thương giây phút sau đó. Cây thập tự chính giữa đã phân biệt hẳn tử tội bên trái với tử tội bên phải. Một người sẽ vào thiên đàng, còn người kia đi hỏa ngục.

Nhưng điểm quan trọng về cây thập tự chính giữa là tử tội sau khi chết đã phục sinh, đã xuất hiện thiên trở về trời, vì Người không thuộc về cõi trần gian tội ác này.

Hai kẻ tử tội ở hai bên Con Trai Đức Chúa Trời trên đồi Gô-gô-tha hôm ấy đại diện cho toàn thể nhân loại ngày nay. Người bên trái đã tin nhận Chúa, được tha thứ tội và được hứa vào ngay nơi phước lạc với Chúa. Người này đại diện cho những ai tin nhận Chúa Giê-xu ngày nay. Người bên phải phủ nhận Chúa, nói những lời ngạo mạn thách thức đối với Ngài, sẵn sàng vào hỏa ngục để lãnh án tử hình vĩnh viễn. Người này đại diện cho tất cả những ai không tin nhận Chúa trên đời này và chờ đợi một ngày cuối cùng kinh hoàng và tuyệt vọng.

Hai tử tội trên đồi Gô-gô-tha đều có cơ hội ở gần sát bên Chúa Cứu Thế và thời gian lựa chọn tin nhận Chúa như nhau. Nhưng một người bằng lòng tin nhận, còn người kia theo đa số dân chúng khinh khi và thách thức Ngài. Ngày nay trên đời cũng có những cơ hội ngắn ngủi cho mỗi chúng ta để hoặc quyết định tin Chúa ngay, hoặc tiếp tục phủ nhận và không tin Chúa.

Nhưng không ai biết được còn bao lâu nữa để lựa chọn, vì cơ hội ít khi chờ đợi ta. Ta hãy nghĩ về ba cây thập tự trên đồi Gô-gô-tha khi xưa và theo gương người tử tội đã tin nhận Chúa. Một điều mà ít ai nhận ra là chính mỗi chúng ta cũng là những tử tội chờ ngày hành quyết, nhưng ai bằng lòng tin nhận Chúa Giê-xu, Đấng đang sống và sẵn sàng tiếp rước mỗi người, thì người ấy sẽ thoát khỏi án tử hình vĩnh hằng và được Chúa hứa như Ngài đã hứa với kẻ tử tội trên đồi Gô-gô-tha trên 2000 năm xưa.

Tử Tội Sung Sống

Lester Ezzell khi còn nhỏ cũng thuộc một gia đình tin Chúa và có học lớp học Kinh Thánh ngày Chủ Nhật. Khi lớn lên, theo bè bạn làm nhiều điều tội ác, kể cả giết người và cướp của. Anh ta bị kết án tử hình. Nhưng thầy giáo dạy Lester trong lớp học Kinh Thánh ngày Chủ Nhật lúc nào cũng tìm cách tiếp xúc khuyến khích anh ta tin Chúa để được cứu khỏi cuộc trừng phạt sau này trước tòa án của Chúa. Một ngày nọ Thầy giáo Curtis Oakes đi trên 1000 cây số đến thăm Lester trong tù. Lester thấy ông Oakes, mỉm cười: “Thầy không chịu buông tôi ra nhỉ!” và không chịu nghe thầy khuyên bảo. Ông Oakes không có cách nào khác hơn là gửi lại cho Lester một cuốn Kinh Thánh Tân Ước và khuyến khích đọc đi.

Về sau Lester có viết mấy lá thư cho ông Curtis Oakes, thư đầu tiên báo tin là anh ta đã tin Chúa. Lá thư cuối cùng viết vào đầu năm 1957, nói rằng: *Khi thầy nhận bức thư này thì tôi không còn trên đời nữa, tôi đã bị hành quyết rồi. Tôi đã đền trả tội ác tôi đã phạm. Nhưng tôi muốn cho thầy biết điều này, đó là nhờ cuốn Tân Ước nhỏ bé thầy cho tôi và ân huệ của Chúa, không những tôi tin Chúa mà còn giúp cho 47 anh em tù nhân tin nhận Chúa Giê-xu như tôi nữa. Cám ơn thầy đã không chịu bỏ cuộc đối với tôi.*

Lester trở thành kẻ tử tội tin nhận Chúa trước khi chấm dứt cuộc đời, nhưng anh ta trước khi chết anh ta đã làm cho 47 người tìm về với Chúa và được cứu khỏi cuộc đời nhơ bẩn tội ác này.

Tâm Sự Của Vua Sa-lô-môn

Sa-lô-môn là ông vua thứ ba trong lịch sử nước Israel. Sa-lô-môn mệnh danh là ông

vua khôn ngoan nhất, giàu có nhất của nước này. Người ta đã từng viết sách, làm phim về cuộc tình và về cả *Kho tàng của Sa-lô-môn*, nhưng ít ai đào sâu vào cuộc đời và tâm sự của ông vua này. Mời các bạn cùng chúng tôi đọc một số đoạn trong cuốn “Truyền Đạo” của tác giả Sa-lô-môn để tìm hiểu tâm sự ông vua lừng danh của Do Thái thuở mới lập quốc.

Cuộc Đời Hư Không

Lời của người truyền đạo, con trai của Đa-vít, vua tại Giê-ru-sa-lem. Người truyền đạo nói: Hư không của những hư không, hư không của hư không, thấy đều hư không. Các việc lao khổ loài người làm ra dưới mặt trời, thì được ích lợi gì?

Đó là những lời mở đầu cuốn sách Truyền Đạo. Một câu mở đầu mang tính chất yếm thế và chán nản như vậy, sách Truyền Đạo muốn trình bày điều gì? Muốn hiểu một lời mở đầu như vậy, ta cần phải biết hoàn cảnh mà tác giả đề cập đến. Đề tài chính của sách Truyền Đạo là Đời Sống Vô Thần. Đây là hình ảnh đời sống hoàn toàn nhờ năng lực của con người, hoàn toàn do sáng kiến của loài người. Chính vì vậy mà mở đầu tác giả đã nói: Hư không của những hư không, tất cả đều là hư không!

Sách Truyền Đạo được viết ra trong những hoàn cảnh rất khó khăn. Nước Israel lúc ấy đang lâm vào thế cùng túng. Người dân bị đàn áp. Cảnh cá lớn nuốt cá bé quá thông thường đến nỗi mọi người đều chán nản và tuyệt vọng. Người ta đã đánh giá vật chất quá cao và hoàn toàn trông mong vào những gì mình sở hữu. Khi mong mãi không được, người ta sinh ra chán nản và thất vọng. Tác giả sách Truyền Đạo cố xếp đặt những gì có trong đời này vào đúng chỗ của nó. Luận đề của ông là: Nếu chúng ta biết rằng chúng ta không có thể trông mong được gì từ nơi thế gian này, chúng ta sẽ không mong ước quá hão huyền và chần nản thất vọng.

Tác giả tự coi mình là người Truyền Đạo. Trong nguyên văn tiếng Hê-bơ-rơ thì chữ này là Koheleth. Nhiều nhà giải Kinh cho rằng có thể đây là một tên riêng. Koheleth là một dạng của một từ mang nghĩa: một người đứng lên nói cho một đám đông nghe hay cho một hội chúng.

Đọc Truyền Đạo ta thấy dường như tác giả tập trung dân chúng lại rồi giảng giải cho họ những điều mà Chúa đã dạy ông ta. Thành ra chữ Koheleth có lẽ tên thật hay chức phận của một người thì cũng không khác biệt lắm. Mục đích của người Truyền Đạo là cho dân biết một ít về khôn ngoan của Chúa và những điều khuyên dạy khác. Ông ta tự xưng là con trai của Vua Đa-vít, Vua tại Giê-ru-sa-lem, chắc hẳn phải là Vua Sa-lô-môn.

Chủ đề mà tác giả nói đến ở đầu sách tiếp tục được nhắc lại trong cả sách. Đó là Hư không của những hư không. Người Truyền Đạo nói: *Hư không của những hư không, hư không của những hư không, tất cả đều là hư không. Các việc lao khổ loài người làm ra dưới mặt trời thì được lợi ích gì?*

Có một vài điều ta phải phân tích trong câu trên đây để có thể hiểu tác giả muốn nói lên điều gì. Trong ngôn ngữ Hê-bơ-rơ chữ hư không có nghĩa là hơi nước hay là hơi thở. Nghĩa là cái gì mong manh dễ tan, dễ tàn và biến đi mất. Tức là điều gì tạm thời, không bền chắc lâu dài. Trong Truyền Đạo chữ này còn có nghĩa là mong manh, vô hy vọng, hoàn toàn trống rỗng, không có một mục đích nào cả. Mọi sự vật đều là vô ích, vì tất cả đều trôi quá nhanh, không mang theo một ý nghĩa nào cả. Chúng ta cần để ý đến cụm từ “dưới ánh mặt trời”. Từ này được dùng đến 25 lần trong toàn sách Truyền Đạo. Trong khi đó từ “hư không” được dùng tới 31 lần. Cụm từ “dưới ánh mặt trời” ngụ ý nói rằng mọi sự vật mà mắt ta thấy được hiển nhiên.

Tác giả có ý chứng minh rằng mọi việc mà tay chúng ta tạo nên được là vô ích. Mặc dù chúng ta có lý luận hay đến đâu, cố gắng nhiều đến đâu, trong lĩnh vực đạo đức luân lý, cũng vô ích.

Khi nói đến những gì mà khả năng và sức người làm được, tác giả muốn hướng người đọc và một cái gì cao hơn. Vì đời sống không phải là vô nghĩa và trống rỗng. Chúng ta không nhất thiết phải là nạn nhân của tình trạng tạm thời của thời gian và cuộc sống. Chúng ta có thể sống trên một bình diện và mức độ cao hơn.

Chủ đề được nhắc đi nhắc lại nhiều lần là: Tất cả sẽ chỉ là hư không nếu chúng ta chỉ sống trong sức lực và khả năng của thân xác con người chúng ta.

Các việc lao khổ loài người làm ra dưới mặt trời thì được ích lợi gì? Dĩ nhiên là công sức chúng ta bỏ ra chúng ta có gặt hái chứ. Tác giả không nói rằng chúng ta sẽ không được gì, nhưng nói rằng chúng ta

sẽ không bao giờ thỏa mãn với những gì mình trông mong. Chúng ta không bao giờ có được niềm vui hay thỏa mãn lâu bền. Tự nhiên là sống trong tội lỗi cũng thỏa tình giây lát, nhưng không lâu. Người nào làm việc và sống mà không hề ý thức hoặc suy nghĩ về Chúa tức là sống một cuộc đời vô ích. Đời sống người ấy không có ý nghĩa, cũng không bao giờ người ấy được hưởng thành công lâu bền hay thỏa mãn trường cửu. Người Truyền Đạo nói: Người ấy không có mục đích, ý nghĩa và hưởng đi của cuộc đời.

Sau khi đưa ra chủ đề: Hư không của đời người, tác giả bắt đầu minh chứng.

Đời này qua, đời khác đến; nhưng đất cứ còn luôn luôn.

Đời này qua, đời khác đến, nhưng đất vẫn còn nguyên. Đời người qua đi từng thế hệ, trong khi đó mảnh đất vẫn trơ trơ. Đời người với bao nhiêu khổ khăn, thất vọng lần lượt trải qua mặt đất này. Sáng kiến tân kỳ và kỹ thuật hiện đại thật ra cũng chỉ tạo nên thêm những vấn đề không cần thiết. Các vấn đề ấy cho dù có gọi bằng các tên khác, vẫn là những vấn đề cố hữu chung của nhiều thế hệ. Chẳng hạn như mọi người đều trải qua thời thơ ấu, lớn lên với những bất mãn, sa vào các cám dỗ, phạm những tội vô luân và giả dối. Mọi người đều phải chống lại các vấn đề ghen tương, tranh giành và kiêu căng. Thời đại đi trước hay sắp tới cũng vẫn vậy.

Cuộc đời như một sân khấu, người đời như những diễn viên, lớp này qua, lớp khác đến với bao nhiêu vở tuồng, nhưng sân khấu vẫn vậy. Những tấn thảm kịch của cuộc đời cứ lần lượt diễn ra không ngừng.

Mặt trời mọc, mặt trời lặn, nó lật đất trở về nơi nó mọc. Gió thổi về hướng nam, kể xây qua hướng bắc; nó xây đi vẫn lại không ngừng, rồi trở về vòng cũ nó. Mọi sông đều đổ vào biển, song không hề làm đầy biển; nơi mà sông thường chảy vào, nó lại chảy về đó nữa.

Tác giả còn dẫn chứng cảnh mặt trời mọc, mặt trời lặn; gió chuyển từ hướng này sang hướng khác; sông chảy vào biển mãi mà biển không đầy. Cuộc đời cứ tuần tự trôi qua nhằm chán như vậy, nếu không có một ý nghĩa nào cao hơn.

Tác giả Truyền Đạo không phải chỉ nêu lên một câu than thở hay là kêu gọi mọi người cùng than trách cuộc đời vô nghĩa. Tác giả chỉ nhắc nhở mọi người rằng: *Cuộc đời không có Chúa hiện diện là một cuộc đời vô ích.* Bên trong con người chúng ta có một ước muốn làm một cái gì hơn là chỉ có mặt, chỉ hiện diện trên

đời này; hơn là chỉ làm một thành phần trong cái quá trình vô tận của những thế hệ loài người.

Chúa cho chúng ta cái ước muốn đó, nhưng chính con người chúng ta có ý hướng sống loại bỏ Chúa ra ngoài và dần dần đi đến chỗ làm tiêu tan mục đích của ước muốn đó. Khi nào chúng ta bằng lòng hiến cuộc đời cho Chúa, chúng ta sẽ thỏa ước vọng ấy và sẽ có ý thức về mục đích, hướng đi và ý nghĩa của cuộc đời.

Sau khi đã nêu dẫn chứng, tác giả kết luận:

Muôn vật thay đều lao khổ, loài người không thể nói ra được; mắt không hề chán ngó, tai chẳng hề nhàm nghe. Điều chi đã có, ấy là điều sẽ có; điều gì đã làm, ấy là điều sẽ làm nữa; chẳng có điều gì mới ở dưới mặt trời. Nếu có một vật chi mà người ta nói rằng: Hãy xem, cái này mới, vật ấy thật đã có rồi trong các thời đời trước ta.

Người Truyền Đạo nói rằng: đời sống không có Chúa thật chán chường. Vì ngoài Chúa cái gì cũng nhàm chán, cuộc đời là một câu đố, là một sự mâu thuẫn mà không ai hiểu được. Ngoài Chúa, chúng ta nhìn vào sự vật mà không bao giờ thỏa mãn, nghe nhiều điều những vẫn không nhàm tai.

Nhiều khi chúng ta sống và nghĩ rằng: Chẳng có người nào trên đời này khổ như mình, hay kinh nghiệm những gì mình kinh nghiệm. Thật ra đời người không có gì xảy ra mới mẻ. Cái khung đời sống vẫn chỉ có thế thôi.

Người Truyền Đạo chỉ muốn mỗi người thấy được cái trống rỗng của đời, và liên tưởng đến những giá trị thật ngoài vật chất, không phải là những gì mắt thấy được. Đó là những giá trị thuộc về Đấng Tạo Hóa, nguyên nhân của mọi sự vật, giá trị của vinh hăng.

Bạn thân mến, có lẽ bạn đang sống trong cảnh khó khăn tuyệt vọng, với đủ vất vả ưu tư. Nhưng bạn có loại Chúa ra khỏi cuộc đời của bạn hay không? Hay nói khác đi bạn có đang theo đuổi một cuộc sống không có hiện diện của Chúa chăng? Có lẽ bạn đang chán nản vì cuộc sống này vô nghĩa. Bạn cứ làm việc từ năm này sang năm khác, mong đợi một tờ giấy khen, một bằng tưởng thưởng công lao, một vinh dự nào do loài người đưa đến. Nhưng trở về với thực tại của chính mình, bạn thấy tất cả đều là lớp sơn bên ngoài, vô vị, chán chường. Đó chính là đời sống không có

Chúa. Bạn hãy đến với Chúa để đời bạn không chạy theo những vinh hoa, những tiếng khen tạm thời đó nữa, vì trong Chúa, bạn có tình thương thật, niềm tin vững và sẽ tràn đầy hy vọng.

Nguyễn Sinh

(Trích trong *Tâm Sự Vua Sa-lô-môn*)

Những Gì Còn Lại

Trong những ngày cuối của tháng Mười năm 2003, tại miền nam Bang California nước Mỹ có xảy ra một trận cháy rừng khá lớn. Cho đến giờ phút CTM đem in, thì đã có ngót 3000 ngôi nhà bị thiêu rụi trong ba khu vực khác nhau.

Thiệt hại về tài sản lên đến 2 tỉ đô-la và mất đi sinh mạng của 21 người, trong đó có một người lính cứu hỏa.

Người ta đã gọi trận cháy vừa qua là bão lửa, vì chưa bao giờ vùng này có bão tàn phá tai hại đến như thế. Đây cũng là lần đầu tiên một số đồng đảo những người trung và thượng lưu tại California phải di tản và vào các nơi tạm trú. Vì đa số những nhà bị phá hủy đều thuộc loại đất giá khoảng trên dưới một triệu đô-la.

Những gì còn lại sau trận bão lửa này còn tùy theo mỗi nạn nhân.

Nhiều người ra tay không và cũng trở về tay trắng vì không kịp nhặt nhạnh những gì quý nhất. Nhiều người khác lại cầm đi những thứ chẳng đáng giá gì và bỏ lại nhiều thứ không tìm ở đâu được nữa.

Có những người may mắn còn nguyên của báu trong các tủ gọi là két sắt, những người khác còn tiền trong ngân hàng.

Một bà cụ nhặt nhạnh trong đám tro tàn mấy con khỉ bằng đá, vì những thứ này chẳng bao giờ cháy!

Người ta không hiểu khi hai thành phố Sô-dôm và Gô-mô-rơ bị bão lửa từ trời san bằng thì cảnh tượng có kinh khủng bằng bão lửa tháng Mười ở California hay không, và không biết có bao nhiêu người so sánh mình với ông Lót thời ấy?

CTM

CHÉN BÍ HẦM ĐẬU

- *Ngoại ơi, ngoại à! Ngoại nấu xong chưa? Cháu đói bụng rồi...*

Tiếng Bé Lan riu rít, dồn dập từ phía nhà xe. Bà Lộc ngẩng lên, nhìn ra cửa sổ: nắng muộn ngoài sân đã tắt, chút ánh sáng lơ mờ và cơn gió nhẹ bên ngoài cho thấy bên kia góc tường nhà lảng giềng, những chiếc lá phong trước đây vài tuần còn rậm rạp đầy cành, đốm đáng khoe sắc vàng tươi, vàng sẫm nay đã ngả nâu và chỉ còn thưa thớt, đang run rẩy, phất phơ vẫy nhẹ như chào tạm biệt. Gấp cuốn Thánh Kinh lại, bà vừa đứng lên nhìn đồng hồ trên lò vi-ba: mới hơn 4 giờ, bà vừa lẩm bẫm:

- Đúng là tháng mười chưa cười đã tối!

- Tháng 11 rồi ngoại à!

Tiếng Lâm, anh Bé Lan, vang lên từ sau lưng làm bà giật mình. Lâm ôm vai bà:

- Sao ngoại đọc sách mà không mở đèn?

Tụi cháu chưa đói đâu. Lan mới ăn snack trên xe mà, tại nó thêm bí sấp hầm đậu xanh của ngoại thôi; cháu có mua hành lá với ngò gai, lá quế cho ngoại đây, cháu còn một thứ đặc biệt lắm để dành cho ngoại đem về Việt Nam làm kỷ niệm nữa đó! Bí mật! Giờ chót cháu mới tiết lộ!!

- Cám ơn cháu, không nếm mấy lá rau, ngoại thấy nó thiếu thiếu thế nào ấy. Nhớ đấy nhé! Bà chỉ sợ cháu giữ bí mật được đến sáng mai là bật mí thôi.

Lâm cầm bàn tay khô ráp, nhăn nheo, xương xẩu của bà, ân cần:

- Ngoại về ở với cậu vợ Long hả ngoại? Mẹ cháu xin giấy tờ cho ngoại ở lại luôn đây được mà; mẹ muốn ngoại an hưởng tuổi già chứ ngoại vất vả cả đời rồi. Phải chỉ ba cháu còn sống, được gặp ngoại chắc ba cháu vui lắm, ba cháu ao ước về Việt Nam mà chưa kịp...

Chuông điện thoại reo, cắt ngang câu nói của Lâm; bà Lộc buông tay Lâm, đi vào bếp hâm nóng lại thức ăn. Tiếng nước chảy cùng tiếng máy thông khí trong phòng tắm của Bé Lan át mất tiếng Lâm đang trả lời điện thoại:

-...Dạ... Bí hầm đậu xanh... Dạ có, con mua rồi, ngoại chưa biết...dạ nhớ. Bye!

Lâm vui vẻ gác máy nhưng không khỏi thắc mắc. Vì sao Loan -mẹ Lâm- rất thương quý bà Lộc, rất vui mừng gặp lại bà sau bao nhiêu năm xa cách; thích thú khi nghe anh em Lâm nói tiếng Việt lưu loát, gãy gọn hơn trước nhiều; tự hào về sự thành

công của mình trong cuộc sống vật chất tại một xứ sở nổi tiếng là có nhiều cơ hội tiến thân đồng thời với sự cạnh tranh quyết liệt; vũng vàng trong tinh thần, một mình chèo chống lo cho hai con khi mới ngoài ba mươi tuổi đã phải chịu tang chồng; tế nhị, lịch sự trong giao tiếp xã hội, thường dạy anh em Lâm tôn trọng quan niệm, ý kiến của người khác ...nhưng lại bực bội ra mặt mỗi khi Bé Lan xin bà ngoại nấu món canh bí hầm đậu xanh mà Lâm cũng rất thích và cũng chỉ mới được thưởng thức từ lúc bà Lộc ở Việt Nam sang đây thăm gia đình mẹ nó, nó cũng để ý thấy Loan không hề động đến món ấy. Lâm thắc mắc vì sao hôm nay Loan lại nhờ nó 'bí mật' đi tìm mua những quả bí thường chỉ để trang hoàng vào dịp Lễ Tạ Ơn ở xứ này, loại nhỏ, hình dáng lạ và vỏ mỗi quả có màu khác nhau khá lạ mắt ; đã thế, lúc này Loan còn dặn nó 'nhớ để dành cho mẹ một chén bí hầm đậu xanh' nữa!! Sao thế nhỉ? Chứ!! Lâm lắc đầu, tự nhủ: Thôi, từ từ mình sẽ hiểu...Sực nhớ cuộc điện đàm vừa rồi, Lâm vào bếp tìm bà Lộc:

- Mẹ cháu gọi, nhấn bà cháu mình ăn cơm, đừng chờ mẹ. Bữa nay cuối tuần đông khách, mẹ cháu về khuya... với lại...nhớ để phần cho mẹ chén canh ... à, ngày nay bận quá, mẹ cháu chưa ghi về máy bay cho ngoại được.

-Có sao đâu, khi nào mẹ rảnh mua cũng được, ngoại về sớm hay trễ là tùy mẹ cháu mà. Thôi, ăn cơm kẻo Lan khóc nhé!.

Mâm cơm chỉ có hai món, đơn giản nhưng bắt mắt, mùi vị lại thơm tho kích thích khứu giác mọi người. Cạnh đĩa đậu phụ rán vàng xốt cà chua đỏ pha tí nước mắm là món Lâm ưa chuộng thì tô canh bí sấp hầm với đậu xanh, điểm thêm những lá hành, lá húng quế, ngò gai xắt nhỏ dậy mùi thơm dễ chịu, hấp dẫn Bé Lan không kém. Trước khi cầm đũa, bà Lộc cúi đầu cầu nguyện cảm tạ Thiên Chúa về ơn lành Ngài ban cho, trong những vật Ngài tạo dựng dùng nuôi dưỡng con người; bà cũng xin Thiên Chúa hướng dẫn bà và con, cháu biết sống thế nào để bày tỏ lòng biết ơn Ngài.

Nghe bà ngoại cầu nguyện, Lâm nhớ những ngày bố Lâm-Lan còn sống, được bố giúp 'khám phá thế giới kỳ diệu' chung quanh và biết trân quý những sự vật hay những hoạt động, phản xạ thật bình thường. Anh em Lâm biết thích thú với những tia nắng đầu ngày, hoa cỏ, chim bướm trong vườn, với những giọt mưa cuối thu hay những bông tuyết trắng trời trong tiết đông... Chẳng những thế, anh em Lâm còn được bố giải thích vì sao những cây thông cao trên núi không xoè tán, lá không rộng bản như lá cây si, cây magnolia... mà thông có dáng hình tam giác với đỉnh hướng lên như thế, lá thông thuộc loại lá kim, mảnh, cứng và dài; vì sao nước và muối có ở khắp nơi, trong rất nhiều thứ tưởng chừng như vô bổ nhưng đó là hai chất thiết yếu cho đời sống con người và sinh vật; vì sao cảm giác đau khi ta bị thương lại cần thiết ; vì sao những cử động đơn giản hằng ngày như quay đầu, đứng, ngồi, nhìn thấy, ...đều là những đặc ân Chúa ban chứ không phải đương nhiên mà có. Bố còn kể nhiều câu chuyện thật thú vị. Cái kẹo hình cây gậy dài có móc, màu trắng xen mấy sọc đỏ mà anh em Lâm vẫn thường giúp bố trang hoàng cây Giáng Sinh, những sợi dây kim tuyến đều có 'lai lịch' của chúng. Món gà tây dút lò mỗi năm một lần đến ngày Lễ Tạ Ơn, - anh em Lâm gọi là Tết Mỹ - gia đình tụ họp ở nhà ông chú, Lâm ăn chẳng thấy ngon lành mấy,thế mà bố cũng biết 'tống tích' nó!. À! Cả mấy quả bí ngô to nhỏ nữa, pumpkin ấy mà, bố gọi đó là những quả-bí-của-lòng-biết-ơn có liên hệ đến thời kỳ lập quốc của xứ sở này đây. Chuyện của bố nhiều lắm, nhớ không hết. Từ bé, Lâm vẫn ngạc nhiên vì bố là 'kho tàng chuyện cổ' -như Loan thường bảo - thay vì mẹ.

Người đọc sách, kể chuyện, chơi đùa với anh em Lâm là bố. Những lúc anh em Lâm ngồi nghe bố chuyện trò hay theo bố đi nhà thờ ngày Chúa nhật hoặc vào công viên, đi bơi thuyền trên hồ, Loan không tham dự cũng không phản đối; nàng chỉ cười cười, nói với chồng:

-Anh sống 'trên mây' một mình chưa đủ, còn kéo tụi nhỏ lên đó theo anh nữa! Mấy chuyện 'tào lao' đó có ra tiền đâu, thêm mất thì giờ!. Em thì chỉ mong có tí giờ rảnh để ngủ thôi, ngày nào cũng đầy việc, làm hoài chẳng hết!

-Ồ, anh kéo mây trời xuống cho các con nằm để bay đi đây đó enjoy (*) mọi thứ Chúa ban cho đời sống mình, chứ anh có đem chúng nó lên mây đâu. Mình làm ra

tiền để sống nhưng đó chỉ là phương tiện thôi. Cái chính là biết cảm tạ Thiên Chúa là Đấng ban cho mình sự sống để biết enjoy everything (*) quanh mình, nếu không thì bao nhiêu năm có mặt trên đời, con người chỉ vất vả, hối hả, buồn bã và rồi...mồ mả! Cứu cánh với phương tiện khác nhau lắm đấy em ạ.

Loan cho rằng do công việc của một người chỉ quanh quẩn trong phòng thí nghiệm với những chai lọ, kính hiển vi và các mẫu vật mà chồng nàng 'hơi lẩn thẩn, thiếu thực tế, vô tâm, hơi hợt, nhưng thà vậy còn hơn là anh ấy đàn đúm, chả ra làm sao lại khổ thân lẩn khổ tâm cho mình' Loan thường nói với bạn bè như thế.

Loan vẫn nghĩ mọi sự nàng có được hôm nay là do nàng đã miệt mài nỗ lực, phấn đấu mà ra; nàng hài lòng với kết quả đạt được trước mắt. Chút lẩn cẩn trong lòng Loan lúc theo gia đình chú thím 'di tản' là không kịp gặp mẹ với em thì sau này cũng được giải tỏa khi chú nàng tìm liên lạc được với bà Lộc.

Khi Loan vừa học xong tiểu học, cha Loan qua đời để lại cho bà Lộc một nách hai con còn nhỏ dại mà Long, em trai Loan, lại quê quặt tạt nguyên sau một cơn sốt bại liệt ở tuổi lên ba. Sau đám tang cha, Loan rời ngôi làng nghèo nàn, bé nhỏ heo hút núi đồi vùng Cầu Đất theo chú thím về Saigon. Chú thím thương cảnh ngộ bà Lộc, muốn giúp Loan tiếp tục việc học. Gia đình chú thím có sạp hàng buôn bán vải trong một ngôi chợ ngay trung tâm thành phố. Saigon với bao nhiêu thứ hay, lạ, hấp dẫn Loan, theo thời gian dần dà thay đổi Loan từ một cô bé quê mùa trở nên một thiếu nữ thị thành, từ những ngày còn nước mắt vấn dài vì nhớ mẹ, nhớ em đến lúc Loan không muốn về Cầu Đất vào những dịp nghỉ hè sau này nữa. Không phải Loan không thương mẹ và em, nàng tự chống chế rằng phải tạm thời xa mẹ, xa em trong ít lâu để học, khi nào đỗ đạt xong, có việc làm tốt, tìm nhà riêng ở Saigon rồi sẽ đem mẹ và em về ở chung. Lúc ấy nàng sẽ tìm một nhà thờ Tin Lành nào đó để sáng Chúa nhật mẹ con nàng 'đi nhóm lại'(*), chứ ở với chú thím, suốt tuần đi học, việc nhà đã có hai người giúp việc chu toàn rồi nên Loan nghĩ, Chúa nhật Loan cần phụ chú thím việc sổ sách, buôn bán. Thỉnh thoảng Loan vẫn gửi quà về cho mẹ, cho em nhưng Loan không muốn sống ở nơi 'chó ăn đá, gà ăn muối' đó, trong căn nhà gỗ mái tôn, mùa hè nóng nung người, mùa đông thì lạnh buốt theo từng cơn gió hú. Hình ảnh gắn liền trong tâm trí Loan về

căn nhà ấy là cái giàn gỗ rộng, chạy dọc theo suốt chiều dài, trên đó lúc nào cũng chất đầy những trái bí to nhỏ, dài có, tròn có, những trái bí rợ già, da vàng sẫm hay có sọc xanh điểm đốm trắng. Món ăn thường trực quanh năm của gia đình nàng là bí. Hết bí um tởm lại hầm đậu xanh hay đậu phụng, là những hoa màu trồng trong rẫy nhà Loan; hoạ hoàn mới có một bữa nấu với tôm khô hay xào tóp mỡ.

Không bao giờ Loan quên được tiếng nhạc cười của mấy đứa em, con của chú thím, 'ngây ngô nhưng ác độc một cách vô tư', theo cách nói của một nhà văn nào đó mà nàng không nhớ tên. Trong một bữa cơm ở nhà chú thím có món bí sấp hầm dừa mà Loan chưa bao giờ biết, Loan ăn thật ngon miệng, nghĩ thâm có lẽ là một món cà-ri (vì lúc ấy Loan in trí rằng, cà-ri là một món ăn mặn nào đó được nấu với nước cốt dừa) mà ở vùng quê nghèo của Loan, món cà-ri chỉ xuất hiện trên bàn tiệc, trong những dịp lễ lạc thôi. Ăn xong, chờ chú thím lên lầu nghỉ, Loan xin chị Tám, 'chị bếp' của gia đình chú thím, chỉ dẫn dùm:

- Bữa nào chị Tám dạy em nấu cà-ri bí rợ này nha, ngon quá; nhà em có bí rợ nhiều lắm nhưng không ai biết nấu cà-ri như vậy.

Tiếng cười rộ của mấy đứa em làm Loan chựng hững. Tuyết Anh, con bé lớn nhất bọn vừa cười ngật nghê, vừa nói:

- Đúng là 'nhà quê thấy cứt dê kêu thuốc tễ'! Chị Tám dạy chị Loan để chừng nào đám cưới của chị, chỉ nấu đãi khách món cà-ri bí-rị đó! Bí ngô, bí đỏ mà nói bí rợ!(*)! Thiệt là rợ! Quê ơi là quê!!
Cả bọn đồng loạt vừa vỗ tay làm nhịp, vừa hét to:

- Ê! Ê! Nhà quê thấy.... Ê! Ê! Nhà quê thấy....

Tối đó Loan trần trọc không ngủ. Hình ảnh những quả bí trên giàn gỗ, những tô bí hầm đậu cứ nhảy múa trước mắt và bên tai như còn vang tiếng cười nhạo của mấy đứa em khiến thoát đầu Loan khóc vì buồn thân tủi phận nhưng sau đó một nỗi bực tức tràn ngập tâm hồn nàng. Nghĩ ngợi lẩn quẩn, cuối cùng Loan nghĩ ...tại mẹ! Sao mẹ chỉ biết nấu những món ăn dân dã quê mùa như thế và 'thề' trong lòng sẽ chẳng bao giờ 'r' tới món bí đỏ hầm đậu xanh nữa! Loan đâu biết rằng các món ăn miền Nam thường nấu với dừa chỉ vì đồng bằng Nam bộ trồng dừa thật dễ dàng, không như vùng rẻo cao hẻo lánh của cha mẹ nàng. Từ đó, Loan thu mình vào vỏ ốc, chỉ mải mê công việc, ít nói năng chơi đùa như trước, ở nhà cũng như ở trường; và rồi ít

lâu sau, bạn bè đặt cho nàng biệt danh 'Loan-lạnh-lùng'.

Lâm xuống đến nửa chừng thang lầu thì dừng lại khi nghe tiếng mẹ trong phòng ăn:

- Sao má thức khuya vậy, hồi chiều con có nhắn con về trễ mà.

- Có, Lâm có nói. Má bỏ quên cái kính, xuống tìm, sẵn chờ con luôn. Ít lâu nữa má về Việt Nam tha hồ ngủ!. Con để má hâm thức ăn cho.

Giọng bà Lộc buồn buồn, nhẵn nhụi.

- Dạ, tại con sợ má mất ngủ, má đau; với lại mai Chúa Nhật má còn dậy sớm nữa. À, sáng mai con định đi nhà thờ với má và hai đứa nhỏ luôn thế.

Lâm định trở lên phòng, vừa nghe thế, nó nhảy ba bước xuống chạy ngay vào phòng ăn, reo lên sung sướng, khác hẳn tính chững chạc thường ngày của nó:

- Mai mẹ đi nhóm thiệp hả mẹ? Rồi ngoại về Việt Nam, mẹ có đi với tụi con nữa không mẹ? Phải chi ngoại ở luôn đây há!

- Lâm!

Loan chợt nghe tiếng nàng khô khốc, lạnh lùng trái hẳn về sung sướng nhiệt tình vì niềm vui bất ngờ của Lâm, nàng vội cười, kéo ghế cho Lâm:

- Sorry con! Được rồi, ngồi xuống đây, con lớn rồi, đủ để hiểu những gì mẹ nói. Con biết đó, không ai ép mẹ làm gì được nếu mẹ không muốn. Con nhớ chứ, khi bố qua đời, con chưa đủ tuổi được phép lái xe, mẹ cho hai đứa quá giang ông bà Phúc đi nhà thờ; ngoại qua thăm mình gần một năm nay thì Chúa Nhật con chở ngoại với em đi mà. Vì vậy mẹ quyết định mai đi nhóm thì không phải vì ngoại đâu, nhờ... ba con với ...tô bí hầm đậu đó!

... Má biết không, nhà con nằm xuống đã hơn ba năm nay, công việc con vẫn bình thường, mọi thứ vẫn trôi chảy nhưng lòng con thì không như lúc trước được nữa. Mấy tiếng 'vất vả, hối hả, buồn bã và rồi mồ mả' của anh ấy cứ nhắc đi nhắc lại trong lòng, trong trí con. Con thấy mọi điều con đeo đuổi, bon chen, xây dựng... chẳng có ý nghĩa, chẳng có mục đích, xét cho cùng, chỉ tập trung vào một cái TÔI là con, và rồi cái tôi đó sẽ tan rữa hư hoại ở mồ mả! Thật mệt mỏi vô vị, tầm tởm, hư không!.... Mấy tháng trước, khi thu dọn sách vở của nhà con, con đọc nhật ký và những thứ anh ghi chép, con mới khám phá và hiểu anh ấy không hơi hợt, vô tâm như con tưởng mà trái lại, rất sâu sắc. Trong mọi vấn đề lớn nhỏ của đời sống, trong mọi thứ tinh tế hay tầm thường, anh đều

nhận biết bàn tay quyền năng, yêu thương của Chúa; anh tin cậy, vui thích, biết ơn Chúa như một đứa bé khám phá được kho tàng và càng đi sâu vào kho tàng đó bao nhiêu, anh càng ngạc nhiên, cảm tạ Chúa bấy nhiêu. Bàn bạc trong những trang chữ là mối liên hệ thân thiết ngọt ngào của anh ấy với Chúa mà ngay cả con là vợ, hình như con chưa bao giờ đạt đến; mà thực ra, chính con mới là người hời hợt, vô tâm. Tệ hại nhất là con thật vô ơn đối với Thượng Đế. Và con hiểu. Máu chốt cái tâm trạng trống rỗng, vô vị của con nằm ở chỗ con đã loại bỏ Thiên Chúa ra khỏi đời sống, con

cứ hối hả, vất vả chạy theo những phương tiện nay còn mai mất mà lầm tưởng rằng mình enjoy đời sống! Ô, xin lỗi má, đó là chữ nhà con hay nói...

- Mẹ! Con xin lỗi, vậy chuyện bí hiểm đậu sao dính vô đây? Lâm sốt ruột xen vào.

- À, mẹ đùa thôi. Nhưng mẹ muốn trở lại 'điểm rơi' của mẹ và cũng muốn từ đó đứng lên con à. Hơn nữa, mười ngày nữa là Lễ Tạ Ơn rồi, mẹ nhớ ba con vẫn gọi mấy trái bí rợ đó là...

Lâm vui sướng đứng lên, tiếp lời mẹ:

- Là những quả-bí-của-lòng-biết-ơn. Vậy là mẹ cháu đã 'bật mí' trước sáng mai rồi đó ngoại! Ngoại với mẹ chờ con một phút nha.

Loan bước qua phòng bên cạnh, bật lò sưởi. Lửa bập bùng nhảy múa, tỏa hơi ấm áp. Ánh sáng soi rõ hai hàng nước mắt đang chảy dài, lấp lánh trên má bà Lộc, những giọt lệ hân hoan tạ ơn Thiên Chúa....

H

Câu Chuyện Sau Cùng

Cảm Tạ

Vào tháng 11 mỗi năm người ta lại bắt đầu nhiều lễ hội. Lễ Cảm Tạ được nhắc đến như một dịp gia đình quần tụ và ăn chung một con gà tây trong cái rét mướt của thời tiết nhưng ấm cúng của tình thương.

Một điểm thiếu sót lớn nhất trong Lễ Cảm Tạ vẫn là việc người ta không xác định cảm tạ ai, và cảm tạ về những điều gì.

Nếu con thỏ và những cái trứng màu làm mất ý nghĩa của Lễ Phục sinh thì con gà tây cũng thường làm lu mờ đối tượng của Lễ Cảm Tạ. Chính vì vậy mà ý nghĩa đại lễ này trở thành mập mờ.

Nhiều người Việt chúng ta vẫn nghĩ rằng Lễ Cảm Tạ là một lễ kỷ niệm truyền thống của người Mỹ di cư từ lục địa châu Âu sang châu Mỹ mà thôi. Vì thế chúng ta chỉ tham dự nhưng không thấy ý nghĩa. Tuy nhiên nếu biết rõ đối tượng của Lễ Cảm tạ là Thượng Đế, là Đức Chúa Trời và những điều cảm tạ là ân huệ Chúa ban cho, thì chúng ta cũng có nhiều lý do để tham dự và thật sự dâng lên Chúa lòng biết ơn chân thành về những điều chúng ta không đáng nhận mà Ngài vẫn ban cho.

Lễ Cảm Tạ là lúc chúng ta cùng ngồi chung chia sẻ những phước hạnh của một năm và đặt hết niềm tin nơi Chúa để tiến vào một năm khác trong biết ơn và kính sợ. Như thế chúng ta mới không đứng bên ngoài nhìn vào con gà tây của nhà hàng xóm, nhưng chính chúng ta cũng tổ chức bữa tiệc cảm tạ trong gia đình để mọi người tỏ lòng biết ơn Chúa. Đây cũng là một trong các bí quyết thành công trong cuộc đời, đó là biết cảm tạ Chúa về mọi ân lành trong thời gian sống của ta. Ngoài ra, không phải cứ đến tháng 11 mới tổ chức cảm tạ Chúa, mà mỗi ngày ta cần phải sống trong tình thần cảm tạ này, có như thế ta mới thấy những gì ta có được là giá trị vô cùng. Lòng biết ơn bao giờ cũng giúp ta sống gần Chúa và gần người khác hơn.

Nguyễn Sinh

Chân Trời Mới
Văn Phẩm Nguồn Sống

Chủ Nhiệm & Chủ bút:
Nguyễn Sinh
Giám Đốc điều hành:
Hồ Xuân Phú

Phone: (714) 758 8767
E-mail: info@vpns.org